

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng nhân dịp Tết cổ truyền 2026
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa quà tặng nhân dịp Tết cổ truyền 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH Murata Manufacturing

Việt Nam

- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Thời gian thực hiện gói thầu: 01 ngày

- Địa điểm dự án: Lô A1, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Chung loại: Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “tương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.

- Tiêu chuẩn hàng hóa:

+ Chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025-2026. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, CQ (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhân mác của Việt Nam và quốc tế.

+ Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc thay thế hàng hóa.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo).

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ công bố sản phẩm hoặc giấy tờ hoặc số liệu hoặc catalogue của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa. Hàng hóa đề xuất phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Dầu ăn	Loại dầu: Dầu thực vật Dung tích: 2 lít Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm). Thành phần: Dầu đậu nành, dầu gạo lứt, dầu hướng dương, vitamin A palmitat. Sản xuất: Việt Nam Các chỉ tiêu cảm quan: + Trạng thái: Dạng lỏng + Màu sắc: Màu vàng sáng đến màu vàng hơi đỏ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn																																																												
		<p>+ Mùi: Không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét</p> <p>+ Vị: Không vị</p> <p>Các chỉ tiêu lý hóa:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Chỉ tiêu chất lượng</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Trị số a-xít</td> <td>mg KOH/g dầu</td> <td>≤ 0,6</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C</td> <td>%</td> <td>≤ 0,2</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Tạp chất không tan</td> <td>%</td> <td>≤ 0,05</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Trị số i-ốt (wijs)</td> <td>g I-ốt/100g dầu</td> <td>≥ 100</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Chất béo toàn phần</td> <td>%</td> <td>≥ 99,5</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Trị số Peroxyt</td> <td>Meq.O2/kg dầu</td> <td>≤ 10</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Vitamin A (bổ sung)</td> <td>IU/100 g</td> <td>≥ 9200</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Vitamin E</td> <td>mg/100 g</td> <td>≥ 10</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Omega 3</td> <td>g/100 g</td> <td>≥ 3</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Omega 6</td> <td>g/100 g</td> <td>≥ 40</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>Omega 9</td> <td>g/100 g</td> <td>≥ 25</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>Gamma Oryzanol</td> <td>mg/100 g</td> <td>≥ 80</td> </tr> <tr> <td>13</td> <td>Phytosterol</td> <td>mg/100 g</td> <td>≥ 300</td> </tr> <tr> <td>14</td> <td>Cholesterol</td> <td>g/100 g</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố	1	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	≤ 0,6	2	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2	3	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05	4	Trị số i-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 100	5	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5	6	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10	7	Vitamin A (bổ sung)	IU/100 g	≥ 9200	8	Vitamin E	mg/100 g	≥ 10	9	Omega 3	g/100 g	≥ 3	10	Omega 6	g/100 g	≥ 40	11	Omega 9	g/100 g	≥ 25	12	Gamma Oryzanol	mg/100 g	≥ 80	13	Phytosterol	mg/100 g	≥ 300	14	Cholesterol	g/100 g	0
Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố																																																											
1	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	≤ 0,6																																																											
2	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2																																																											
3	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05																																																											
4	Trị số i-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 100																																																											
5	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5																																																											
6	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10																																																											
7	Vitamin A (bổ sung)	IU/100 g	≥ 9200																																																											
8	Vitamin E	mg/100 g	≥ 10																																																											
9	Omega 3	g/100 g	≥ 3																																																											
10	Omega 6	g/100 g	≥ 40																																																											
11	Omega 9	g/100 g	≥ 25																																																											
12	Gamma Oryzanol	mg/100 g	≥ 80																																																											
13	Phytosterol	mg/100 g	≥ 300																																																											
14	Cholesterol	g/100 g	0																																																											
2	Bánh quy bơ	<p>Thành phần: Bột mì, đường, bơ (14,8%), shortening, nhân sôcôla compound, hạt sôcôla, dừa sấy, hương liệu tổng hợp, chất tạo xốp (503(ii), 500(ii), 450(i)), muối, dầu thực vật (dầu cọ), chất tạo màu tổng hợp (160a(i)).</p> <p>Bánh được cho vào chén giấy, sau đó cho vào hộp thiếc và cuối cùng đưa vào hộp giấy. Quy cách đóng gói: 540g.</p>																																																												
3	Hạt dưa	<p>Loại : Túi 500g</p> <p>Thành phần dinh dưỡng: 10g Carbohydrate, 29g protein, 5g chất xơ, không đường.</p> <p>Hạn sử dụng: 09 tháng từ ngày sản xuất in trên bao bì (Date gửi cho quý khách không quá 30 ngày).</p> <p>Hạt dưa sạch, không hóa chất độc hại, có nguồn gốc rõ ràng, an toàn vệ sinh thực phẩm.</p> <p>Hạt đều, chắc, thơm, giòn, béo, hương vị vừa miệng đậm đà.</p>																																																												
4	Hạt nêm	<p>Hạt nêm từ thịt thăn, xương ống, tủy.</p> <p>Khối lượng: 900g</p>																																																												

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn																					
		<p>Thành phần: Muối i ốt, chất điều vị, đường, bột sắn, bột thịt, bột xương ống & tủy, thịt thăn, hương thịt, hương nước dùng, mỡ,...</p> <p>Được sản xuất từ nguồn nguyên liệu 100% thị xương tủy từ trang trại chuẩn VIETGAP, bổ sung muối i-ốt. Sản phẩm phải an toàn, bổ dưỡng cho sức khỏe người sử dụng.</p> <p>Không dùng cho trẻ dưới 3 tuổi, người ăn chay</p>																					
5	Trà	<p>Thành phần: Đông trùng hạ thảo: 45%; Khổ qua rừng: 30%; Thìa canh: 20%; Cỏ ngọt: 5%.</p> <p>Hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.</p> <p>Sản phẩm được chứa trực tiếp trong túi lọc chất liệu giấy thấm, túi lọc được bảo quản bằng túi phức hợp. Hộp ngoài bằng chất liệu giấy có in ấn.</p> <p>Quy cách đóng gói:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 túi lọc: Khối lượng tịnh $2 \pm 0,5$ g • 1 gói: Khối lượng tịnh 20 g, gồm 10 túi lọc ($10 \text{ túi lọc} \times 2 \pm 0,5 \text{ g}$) <p>Cảm quan: Màu sắc: Nâu vàng hoặc xanh. Mùi: Mùi thơm, có mùi khổ qua đặc trưng. Vị: Vị đắng nhẹ, ngọt nhẹ, trung vị đắng mạnh, hậu vị ngọt kéo dài. Trạng thái: Nguyên liệu khô, dạng mảnh vụn, đồng đều.</p> <p>Chỉ tiêu hóa lý</p> <table border="1" data-bbox="622 1355 1204 1433"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Mức yêu cầu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Độ ẩm</td> <td>%</td> <td>≤ 10</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chỉ tiêu kim loại nặng</p> <table border="1" data-bbox="622 1512 1404 1706"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Mức yêu cầu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hàm lượng Asen (As)</td> <td>mg/kg</td> <td>$\leq 1,0$</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Cadimi (Cd)</td> <td>mg/kg</td> <td>$\leq 1,0$</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Chì (Pb)</td> <td>mg/kg</td> <td>$\leq 2,0$</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Thủy ngân (Hg)</td> <td>mg/kg</td> <td>$\leq 0,05$</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức yêu cầu	Độ ẩm	%	≤ 10	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức yêu cầu	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$
Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức yêu cầu																					
Độ ẩm	%	≤ 10																					
Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức yêu cầu																					
Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$																					
Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$																					
Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$																					
Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$																					
6	Túi đựng 1	<p>Quy cách: 100 cái/ thùng.</p> <p>Thành phần: 100% PP.</p> <p>Chất liệu: Polypropylene.</p> <p>Kích thước: 43.5*39.5*22cm.</p> <p>Trọng lượng: 99g (+/-5g)</p> <p>Ngoại quan: Bề mặt túi sạch sẽ, không còn dầu chỉ xơ và không có lỗi ngoại quan; đường may chắc chắn; dây quai mềm, chắc chắn.</p>																					

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Màu sắc theo thiết kế Không mùi lạ Tái sử dụng nhiều lần, để đựng hàng hóa
7	Túi đựng 2	Quy cách: 100 cái/ thùng. Thành phần: 100% PP. Chất liệu: Polypropylene. Kích thước: 30*35*15cm. Trọng lượng: 56g (+/-5g) Ngoại quan: Bề mặt túi sạch sẽ, không còn dầu chỉ xơ và không có lỗi ngoại quan; đường may chắc chắn; dây quai mềm, chắc chắn. Màu sắc theo thiết kế Không mùi lạ Tái sử dụng nhiều lần, để đựng hàng hóa

1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 5% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa. Thời hạn hoàn trả 5% giá trị của hợp đồng hoặc thời hạn thu bảo lãnh bảo hành hàng hóa là 30 ngày kể từ ngày hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

- Tài chính:

+ Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, dự phòng.

+ Nhà thầu có đề xuất cụ thể giá trị % thuế VAT của từng hàng hoá. Mức thuế suất giá trị gia tăng đối với các loại hàng hoá của các nhà thầu khi dự thầu được áp dụng chung với mức thuế suất giá trị gia tăng lập giá gói thầu. Việc xác định mức thuế VAT nhà thầu phải nộp khi thực hiện hợp đồng sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu khối lượng công việc, bàn giao hàng hóa, căn cứ theo

loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... và được điều chỉnh khi có sự thay đổi về thuế VAT theo quy định.

- Nhà thầu cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc giải quyết sự vụ trong thời gian 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

- Giao hàng:

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hoả, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi giao đến địa điểm chỉ định của chủ đầu tư phải nguyên đai, nguyên kiện. Chủ đầu tư cùng các Bên liên quan cùng nghiệm thu hàng hóa theo đúng nội dung E-HSMT của nhà thầu.

Sau nghiệm thu, nhà thầu cử tối thiểu 10 nhân sự đến địa điểm chủ đầu tư chỉ định để phối hợp gói, sắp xếp quà, đóng thành phẩm bộ sản phẩm trước khi phát cho người lao động. Nhân sự tham gia gói quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

Khi phát tới tay người lao động, túi quà về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư 01 bộ sản phẩm mẫu trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong

thời gian 05 ngày làm việc kể từ thời điểm đóng thầu. Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa cho đại diện Tư vấn tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSDT. Trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu, hàng hóa sẽ được gửi trả cho nhà thầu.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.